

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-11-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, cấp dưỡng nuôi con, nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Dũng;

Ông Đỗ Thành Tiết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị L, sinh năm 1975. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đồng K, xã Phong P, huyện K, tỉnh T.

- Bị đơn: Ông Thạch C, sinh năm 1986. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện K, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán đảo L, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn K – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C Phòng giao dịch huyện K theo văn bản ủy quyền số 1401/QĐ-NHCS ngày 16/4/2012 của Tổng giám đốc Ngân hàng C. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị L là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Thạch C chung sống với nhau vào năm 2008 trong quá trình chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh vào năm 2015. Bà và ông Thạch C có 02 con chung tên Thạch H, sinh ngày 07/8/2009 và Thạch Thị T, sinh ngày 31/3/2013. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C không lo cho vợ con, đánh đập bà, vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Thạch C.

- Về con chung: Bà yêu cầu nuôi con chung tên Thạch H, sinh ngày 07/8/2009 và Thạch Thị T, sinh ngày 31/3/2013 trước đây bà yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Nay bà yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi người con là 745.000 đồng/tháng;

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C số tiền 8.000.000 đồng, bà yêu cầu chia đôi số nợ.

Đối với bị đơn ông Thạch C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông C, theo biên bản lấy lời khai bà Thạch Thị Y là mẹ ruột của ông Thạch C xác nhận hiện nay ông C đang sinh sống tại nhà thuộc ấp 2, xã Phong Thạnh hàng ngày ông C đi làm sáng đi chiều về, bà Yên có nhận thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án và có báo lại cho ông C biết nhưng ông C không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu ý kiến của mình. Tại phiên tòa hôm nay ông C vắng mặt, nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông C.

Cháu Thạch H, sinh ngày 07/8/2009 và cháu Thạch Thị T, sinh ngày 31/3/2013 là con chung của bà Thạch Thị L, ông Thạch C cùng có lời khai trình bày: Sau khi cha, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ Thạch Thị L.

Đại diện Ngân hàng C trong quá trình giải quyết vụ án có bản khai trình bày: Căn cứ sổ vay vốn số 5600053973 ngày 17/11/2009 Ngân hàng có cho bà Thạch Thị L, ông Thạch C vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở số tiền là 8.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, ngày vay 17/11/2009, hạn trả nợ 06/11/2019 (Đã gia hạn nợ ngày 06/11/2019, gia hạn 47 tháng đến hạn trả cuối cùng ngày 11/10/2023), lãi suất vay là 0,25%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,325%/tháng, mục đích sử dụng vốn vay là xây nhà ở. Ủy ban nhân dân xã Phong Phú và Hội nông dân bảo lãnh bằng tín chấp. Tính đến ngày 23/9/2021 bà Thạch Thị L, ông Thạch C còn nợ Ngân hàng C các khoản sau: Vốn: 8.000.000 đồng, lãi là: 47.343 đồng. Tổng cộng: 8.047.343 đồng. Trước đây, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Thạch Thị L và ông Thạch C phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn số 5600053973 ngày 17/11/2009 cho đến

khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng C rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà Thạch Thị L và ông Thạch C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Thạch C chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị L. Cho bà Thạch Thị L được ly hôn với ông Thạch C.

Về con chung: Giao cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Thạch H, sinh ngày 07/8/2009 và Thạch Thị T, sinh ngày 31/3/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Thạch C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng C.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, nợ chung” và bị đơn cư trú tại ấp 2, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Thạch Thị L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Thạch C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông C chung sống với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh như vậy là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà L cho rằng bà và ông C mâu thuẫn là do ông C không lo cho vợ con và đánh đập bà, hôn nhân trầm trọng không thể kéo dài, vợ chồng chung sống không còn

hạnh phúc nên bà và ông C đã không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn và đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay nên bà xin ly hôn với ông Thạch C. Vấn đề này thấy rằng: Mâu thuẫn của vợ chồng bà L và ông C bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không thể thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không quan tâm lẫn nhau. Mặc khác, ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Từ đó thấy rằng ông C đã không còn quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L, mặc cho bà L muốn làm gì thì làm đủ để thấy giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L xử cho bà L được ly hôn với ông C là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà L khai trong quá trình chung sống có 02 con chung là Thạch H, sinh ngày 07/8/2009 và Thạch Thị T, sinh ngày 31/3/2013 hiện do bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, ông C vắng mặt không có ý kiến trình bày. Xét thấy, cháu Thạch H và Thạch Thị T từ trước đến nay sống với bà L và bà L vẫn đảm bảo việc nuôi con tốt, mặc khác, cháu Thạch H và Thạch Thị T cũng có nguyện vọng được ở với bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà L là giao cháu Thạch H, sinh ngày 07/8/2009 và Thạch Thị T, sinh ngày 31/3/2013 cho bà Thạch Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời quy định về quyền được tới lui thăm nom con cho ông C sau khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình tố tụng bà Thạch Thị L yêu cầu ông Thạch C cấp dưỡng nuôi con mỗi người là 745.000 đồng, ông C vắng mặt không có ý kiến trình bày. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con là trách nhiệm của cha mẹ đối với con; cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người con; người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Bà Thạch Thị L là người trực tiếp nuôi cháu Thạch H và Thạch Thị T nên có quyền yêu cầu ông Thạch C cấp dưỡng nuôi cháu Thạch H và Thạch Thị T; Ông C là người không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về chia tài sản: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ngân hàng C rút toàn bộ yêu cầu bà Thạch Thị L và ông Thạch C trả số tiền vốn và lãi theo sổ vay vốn số 5600053973 ngày 17/11/2009,

xét thấy, việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu nêu trên của Ngân hàng C là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bà L thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà L. Ông C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Thạch Thị L. Bà Thạch Thị L được ly hôn với ông Thạch C.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Thạch Thị L. Giao con chung tên Thạch H, sinh ngày 07/8/2009 và Thạch Thị T, sinh ngày 31/3/2013 cho bà Thạch Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, ông Thạch C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Thạch Thị L trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Thạch C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Thạch C phải cấp dưỡng nuôi con chung Thạch H, sinh ngày 07/8/2009 và Thạch Thị T, sinh ngày 31/3/2013 mỗi người bằng 745.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*)/tháng (hai người là 1.490.000 đồng (*Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*)/tháng và cấp dưỡng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/11/2021).

Về tài sản chung: Bà Thạch Thị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu bà Thạch Thị L và ông Thạch C trả số tiền vốn: 8.000.000 đồng, lãi là: 47.343 đồng. Tổng cộng: 8.047.343 đồng và tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn số 5600053973 ngày 17/11/2009 của Ngân hàng C.

Ngân hàng C có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm cho bà Thạch Thị L. Hoàn trả cho bà Thạch Thị L số tiền là 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004905 ngày 25 tháng 01 năm 2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Buộc ông Thạch C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chí Công

